

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

Ngày 04 tháng 11, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	BIC	03/11/2025	25.5	579.800	120.527	4.81
2	HHP	03/11/2025	11.95	2.563.400	535.193	4.79
3	MIG	03/11/2025	18.8	1.702.100	357.873	4.76
4	BMI	03/11/2025	20.95	2.276.300	490.377	4.64
5	MSH	03/11/2025	39	718.800	195.163	3.68
6	MCH	03/11/2025	174.9	1.311.000	373.903	3.51
7	VGI	03/11/2025	77.1	1.896.300	546.223	3.47
8	PVD	03/11/2025	22.15	15.946.200	4.628.834	3.44
9	MHC	03/11/2025	12.65	867.800	304.327	2.85
10	DCL	03/11/2025	35.1	2.706.100	1.011.467	2.68
11	BVH	03/11/2025	54.3	877.500	354.437	2.48
12	NAG	03/11/2025	10.4	1.611.100	662.543	2.43
13	TCO	03/11/2025	10.4	641.800	272.267	2.36
14	DPR	03/11/2025	38.95	963.400	431.847	2.23
15	TVC	03/11/2025	11.3	1.701.800	767.983	2.22
16	ACV	03/11/2025	55.2	1.495.400	689.887	2.17
17	GVR	03/11/2025	28.35	5.166.700	2.410.193	2.14
18	CMG	03/11/2025	40.4	1.194.600	592.560	02.02
19	HAH	03/11/2025	62.6	4.291.300	2.181.967	1.97
20	CTR	03/11/2025	89.8	1.032.400	537.323	1.92
21	FPT	03/11/2025	105	20.963.600	11.232.373	1.87
22	VIX	03/11/2025	26.05	70.721.904	38.104.884	1.86
23	KLB	03/11/2025	15.8	1.127.700	606.323	1.86
24	GAS	03/11/2025	61.5	1.095.100	599.230	1.83
25	PC1	03/11/2025	24.15	4.453.900	2.563.140	1.74
26	SHS	03/11/2025	20.8	42880500	24854940	1.73
27	DRI	03/11/2025	12	680000	392423	1.73
28	VOS	03/11/2025	13	1479800	905667	1.63
29	VTP	03/11/2025	108.1	1401400	859603	1.63



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	CMG	03/11/2025	40.4	867.830	54.65	39.52	2.22	0.1	-0.91
2	DGW	03/11/2025	40.1	1.146.320	48.33	39.4	1.76	-0.56	-0.19
3	DPR	03/11/2025	38.95	631.270	60.64	38.73	0.57	0.08	-0.5
4	FRT	03/11/2025	147	763.340	59.2	139.7	5.23	1.27	-3.29
5	POW	03/11/2025	14.25	6.887.240	50.09	13.41	6.24	-0.23	0.23
6	PVD	03/11/2025	22.15	5.498.500	62.02	20.87	6.14	0.06	-0.3
7	PVS	03/11/2025	32.5	4.596.380	53.52	32.13	1.16	-0.29	-0.51
8	SAM	03/11/2025	7.6	644.860	53.71	7.24	4.94	-0.12	0.21
9	VEA	03/11/2025	41.2	524.500	72.69	39.32	4.79	0.21	-0.14
10	VGI	03/11/2025	77.1	1.139.020	64.68	74.31	3.76	0.55	-1.81
11	VGT	03/11/2025	12.3	590.850	55.9	12.19	0.87	0.01	-0.07
12	VPI	03/11/2025	55.5	1.776.130	45.76	55.31	0.35	0.11	-0.64



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BMI	20.95	21.63	470.880
2	CDC	29.2	29.6	437160
3	DCL	35.1	35.25	1.328.570
4	HII	5.3	5.61	258.400
5	MIG	18.8	19.37	655070
6	SBG	13.4	13.6	218.200

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	MCH	174.9	159.5	496.990
2	VEA	41.2	41.2	524.500

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	CTX	15.5	15.3	123.610
2	DXS	9.77	9.77	3.044.780
3	MSB	12	11.9	7.402.510
4	NBB	19.35	18.9	214.820
5	N01	6.7	6.65	89.650
6	RYG	10.5	10.4	89.670
7	VAB	11.2	11.15	937.120
8	VPK	6.45	6.45	566.400

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CEO	22.9	22.4	29.554.970
2	CTS	35.65	35.65	1.995.120
3	DDV	29.7	27	1.803.040
4	DIG	19.3	19.3	15.925.430
5	DXG	18.85	18.85	23.796.570
6	DXS	9.77	9.77	3.044.780
7	EIB	21.5	21.5	6.926.490
8	EVF	12.35	12.35	6.669.320
9	FCN	15.1	15.1	1.119.570
10	HCM	22.35	22.35	12.126.370
11	HDC	31.3	31.3	5.896.020
12	HHS	13.9	13.9	4.602.590
13	LCG	10.3	10.25	2.515.820
14	MBS	28	28	4.356.230
15	MSB	12	11.9	7.402.510
16	NTL	17.8	17.1	2.247.990
17	NVL	12.9	12.9	18.743.760
18	PET	29.4	27.8	1.007.450
19	SHB	15.95	15.9	86.165.488
20	SHS	20.8	20.8	24.615.050
21	SSI	32.5	32.5	45.361.368
22	STB	52.3	51.7	6.164.120
23	TCB	33.6	33.6	17.794.860
24	TCH	20.15	19.75	7.724.010
25	VCI	36	36	9.824.040
26	VDS	18	18	1.940.990
27	VIX	26.05	26.05	48.034.832



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

Cắt lên đường trung bình MA50

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DGW	40.1	39.92	1.146.320
2	QCG	14.15	13.81	676.970
3	VFS	17.5	17.46	1940450

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	QCG	14.15	14.08	676.970
2	SAB	46.3	45.9	619.900



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CTI	21.85	22.91	701.490
2	DBC	25.8	26.27	3.271.200
3	FCN	15.1	15.35	1119570
4	IDI	7.17	7.31	601.350
5	KSB	18	18.34	1.524.210
6	NTL	17.8	17.81	2.247.990
7	NVL	12.9	13.38	18.743.760
8	SBS	5.4	5.5	591.800
9	TNG	19.2	19.53	904.090
10	VHC	57.2	57.46	1184460

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAA	8	08.06	1.845.060
2	HDB	30.55	31.66	22.080.830
3	KLB	15.8	16.02	665390
4	MSR	21.9	23.39	1.815.560
5	NLG	37	37.63	3.203.670
6	PVX	1.7	1.78	1.937.360
7	TNG	19.02	19.52	904.090

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ABB	12.7	12.95	4.565.210
2	CRC	9.48	9.5	766.910
3	CRE	9.5	9.9	712720
4	DCM	34.55	34.78	2.660.730
5	DPM	23.2	23.64	3.721.980
7	HPX	4.76	4.84	1634100
8	HUT	16.5	16.72	3232120
9	KBC	34.2	34.89	5539830
10	KLB	15.8	16.5	665390
11	LIG	4.5	4.7	540400
12	NLG	37	37.29	3203670
13	OIL	10.6	10.73	654170
14	POM	2	02.02	1176430
15	PVC	10.6	10.63	865690
16	PVT	17.4	17.49	1949800
17	TCM	28	28.64	1351030
18	VOS	13	13.01	952400



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	DBD	03/11/2025	53.2	51.8	55.6	7.3	29.160
2	PVP	03/11/2025	15.6	14.5	15.7	8.3	167.480
3	VC3	03/11/2025	27.1	27.1	29.4	8.5	986.540
4	SJD	03/11/2025	14.2	13.59	14.76	8.6	100.060
5	TCL	03/11/2025	34.5	33.9	37	9.1	34.940
6	VCP	03/11/2025	26.1	25.31	27.66	9.3	49.160
7	QTP	03/11/2025	12.9	12.7	13.9	9.4	111.200
8	DHG	03/11/2025	104.7	100.4	110	9.6	44.100
9	BWE	03/11/2025	48.15	46.5	51	9.7	179.360
10	QNS	03/11/2025	44.8	44.7	49.1	9.8	157.420
11	VTZ	03/11/2025	18.3	17.6	19.4	10.2	1.371.460
12	SAB	03/11/2025	46.3	44	48.55	10.3	645.180
13	VLB	03/11/2025	47.7	45	49.8	10.7	72.160
14	VAB	03/11/2025	11.2	11.15	12.35	10.8	680.560
15	NAB	03/11/2025	14.2	13.95	15.5	11.1	1.469.980
16	CTF	03/11/2025	20.1	19.31	21.47	11.2	332.740
17	NTC	03/11/2025	159.2	156.65	174.6	11.5	52.620
18	MCM	03/11/2025	27.45	26.3	29.4	11.8	48.780
19	HTG	03/11/2025	45.4	44.2	49.45	11.9	31.460
20	SHI	03/11/2025	14.5	13.55	15.2	12.2	518.460
21	SBG	03/11/2025	13.4	12.1	13.6	12.4	212620
22	VEA	03/11/2025	41.2	37.3	42	12.6	717240
23	STK	03/11/2025	17.45	16.22	18.28	12.7	40420
24	PCH	03/11/2025	20	19.5	22.1	13.3	90500
25	ITD	03/11/2025	13.3	12.8	14.5	13.3	27420
26	KDC	03/11/2025	54.5	49.2	55.8	13.4	151880
27	PPT	03/11/2025	14.9	13.2	15	13.6	247340



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009